

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/KDTM-ST

Ngày: 15/5/2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Sơn

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 37/2025/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn số 26/2025/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B);

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S – Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Biện Xuân T – Giám đốc Phòng giao dịch khu công nghiệp Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2024) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1990 và bà Phùng Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh (Bà N ủy quyền cho

ông Q theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2025). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng B) trình bày như sau:

Ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng B) từ năm 2022 đến nay. Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn sản xuất kinh doanh ngày 13/10/2022 và giấy đề nghị vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống ngày 13/10/2022, Ngân hàng B đã duyệt cho khách hàng là ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N vay vốn theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2022/4777096/HĐTD ngày 13/10/2022, khách hàng đã rút vốn vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.001/2022/4777096/HĐTD ngày 17/04/2023 với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 17/04/2023 đến ngày 17/03/2024, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh dịch vụ ăn uống, thanh toán tiền hàng. Lãi suất áp dụng gồm có: Lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo Hợp đồng tín dụng số 002/2022/4777096/HĐTD ngày 13/10/2022 với số tiền vay là: 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 13/10/2022 đến ngày 13/10/2027; mục đích vay vốn là phục vụ nhu cầu đời sống, mua sắm đồ nội thất. Lãi suất áp dụng gồm có: Lãi suất cho vay trong hạn là 10,9%/năm; lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Đình Q đã thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 34, diện tích 103m² và tài sản trên đất tại xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (nay là khu phố P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 15/9/2021 đứng tên ông Nguyễn Thọ H. Ngày 07/10/2022, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Q. Tài sản thế chấp được ký theo hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất số 001/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/10/2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 002/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/10/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng B đã giải ngân cho vợ chồng ông Q bà N theo như thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng. Đến tháng 6/2023, vợ chồng ông Q bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B nên khoản vay của ông Q, bà N chuyển nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng B đã nhiều lần đôn đốc, mời đến làm việc và yêu cầu trả nợ nhưng ông Q, bà N đều không thực hiện đúng cam kết trả nợ đã ký theo hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng, Ngân hàng B làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết như sau:

Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N phải hoàn trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/01/2025 là: 5.209.775.294 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 4.290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi là: 919.775.294 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ ngày 17/01/2025 đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ và các chi phí liên quan khác theo quy định của pháp luật. Nếu ông Q, bà N không trả được nợ thì Ngân hàng B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Đình Q theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Q và bà N đối với Ngân hàng.

Tại biên bản bản lấy lời khai, bị đơn là ông Nguyễn Đình Q đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị N trình bày như sau:

Hai vợ chồng ông có vay của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B1 theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.001/2022/4777096/HĐTD ngày 17/04/2023 với số tiền vay là: 2.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 11 tháng; mục đích vay: Kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Hợp đồng tín dụng số 002/2022/4777096/HĐTD ngày 13/10/2022 với số tiền vay là: 2.500.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, mua sắm nội thất.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Q có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 130504 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 15/09/2021 đứng tên ông Nguyễn Thọ H. Ngày 07/10/2022, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Q.

Tài sản thế chấp được ký theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/02/2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 002/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/10/2022.

Nay Ngân hàng B khởi kiện vợ chồng ông trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/01/2025 là: 5.209.775.294 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 4.290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi là: 919.775.294 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ ngày 17/01/2025 đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ và các chi phí liên quan khác theo quy định của pháp luật; nếu ông Q bà N không trả được nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Đình Q theo theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ thì quan điểm của ông Q hoàn toàn đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Tuy nhiên, nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn chưa có tiền trả nợ nên đề nghị Tòa án và Ngân hàng cho bị đơn thêm thời gian trả nợ để tất toán hết khoản nợ cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải thành nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị:

Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N phải trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/5/2025) là: 5.407.973.012 đồng, trong đó nợ gốc là 4.290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 568.635.753 đồng, nợ lãi quá hạn là: 458.233.890 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 91.103.368 đồng.

Ông Q, bà N tiếp tục chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/5/2025 cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ và các chi phí liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Q, bà N không trả được nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 130504 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 15/09/2021 đứng tên ông Nguyễn Thọ H. Ngày 07/10/2022, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Q. Tài sản thế chấp

được ký bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/02/2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 002/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/10/2022.

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể khi Tòa án thụ lý vụ án cho trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 157, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 323, 353 và 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.001/2022/4777096/HĐTD ngày 17/04/2023 và hợp đồng tín dụng số 002/2022/4777096/HĐTD ngày 13/10/2022 tính đến hết ngày 15/5/2025 tổng cộng là: 5.407.973.012 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 568.635.753 đồng, nợ lãi quá hạn là: 458.233.890 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 91.103.368 đồng.

Ông Q, bà N phải chịu tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 16/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Q, bà N không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 130504 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 15/09/2021 đứng tên ông Nguyễn Thọ H. Ngày 07/10/2022, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Q. Tài sản thế chấp được ký bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/02/2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 002/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/10/2022.

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng B khởi kiện buộc ông Q và bà N phải trả tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Q, bà N với Ngân hàng B và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Ông Q và bà N có đăng ký kinh doanh hộ cá thể, mục đích vay tiền để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh ăn uống nên xác định là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh từ hoạt động của Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B1 có trụ sở tại thành phố B, tại hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết khi phát sinh tranh chấp. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng:

Xét hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2022/4777096/HĐTD ngày 13/10/2022 và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.001/2022/4777096/HĐTD ngày 17/04/2023 với số tiền cho vay là: 2.000.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 002/2022/4777096/HĐTD ngày 13/10/2022 với số tiền cho vay là: 2.500.000.000 đồng được ký kết giữa Ngân hàng B và ông Nguyễn Đình Q, bà Phùng Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ tố tụng của các bên thông qua các điều khoản đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, thì ngay sau khi ký kết hợp đồng bên cho vay là Ngân hàng B đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, giải ngân đủ số tiền cho vay là 2.000.000.000 đồng và 2.500.000.000 đồng cho ông Q, bà N. Ngược lại, bên vay thanh toán đúng kỳ hạn tiền nợ gốc và lãi đến tháng 6/2023 thì không thanh toán được nữa. Từ tháng 6/2023, ông Q, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng đối với Ngân hàng nên phát sinh chuyển nợ quá hạn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Q xác nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng ông đã ký với Ngân hàng B là đúng, tuy nhiên ông xin thêm thời gian để trả nợ dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng Ngân hàng B không đồng ý.

Do vậy, ông Q, bà N đã có lỗi trong việc không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi khi đến hạn là vi phạm theo thỏa thuận trong hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên cần chấp nhận. Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/5/2025 là 5.407.973.012 đồng, trong đó nợ gốc là 4.290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 568.635.735 đồng, nợ lãi quá hạn là: 458.233.890 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 91.103.368 đồng; và tiếp tục phải chịu tiền lãi theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 16/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Đình Q đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thế chấp cho Ngân hàng

bằng việc ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2022/4777096/HĐMB ngày 11/10/2022 và hợp đồng thế chấp tài sản số 002/2022/477096/HĐMB ngày 11/10/2022. Xét thấy việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được chứng thực tại cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 317, 323 Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực thực hiện. Theo hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 34, diện tích 103,0m² và tài sản gắn liền với đất tại khu G, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất đã được Sở tài nguyên và môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 130504 ngày 15/9/2021 đứng tên Nguyễn Thọ H. Ngày 07/10/2022 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Q. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa đất và toàn bộ công trình xây dựng trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi thế chấp cho Ngân hàng đến nay, không có thay đổi. Do vậy, nếu ông Q, bà N không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với cam kết tại hợp đồng thế chấp, phù hợp với giao dịch bảo đảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Q và bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 8.000.000 đồng. Bị đơn ông Q và bà N phải chịu chi phí này. Vì vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định là 8.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 157, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 323, 353 và 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.001/2022/4777096/HĐTD ngày 17/04/2023 và hợp đồng tín dụng số 002/2022/4777096/HĐTD ngày 13/10/2022 tính đến hết ngày 15/5/2025 tổng cộng là: 5.407.973.012 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 568.635.753 đồng, nợ lãi quá hạn là: 458.233.890 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 91.103.368 đồng.

Ông Q, bà N phải chịu tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 16/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Q, bà N không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1051, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 130504 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 15/09/2021 đứng tên ông Nguyễn Thọ H. Ngày 07/10/2022, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Q. Tài sản thế chấp được ký bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/02/2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 002/2022/4777096/HĐBĐ ngày 11/10/2022.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N phải chịu 113.407.973 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 56.455.000 đồng theo Biên lai số 0000161 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Đình Q và bà Phùng Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS TP Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Tuyết Nhung